rùn rì

闰日

noun · leap day

Example Sentences

rùn rì shì èr yuè èr shí jiǔ rì
闰日是二月二十九日。

Leap day is February 29th.

rùn rì zhǐ zài rùn nián chū xiàn
闰日只在闰年出现。

Leap day only occurs in leap years.

yǒu xiē rén xuǎn zé zài rùn rì qìng zhù shēng rì
有些人选择在闰日庆祝生日。

Some people choose to celebrate their birthday on leap day.
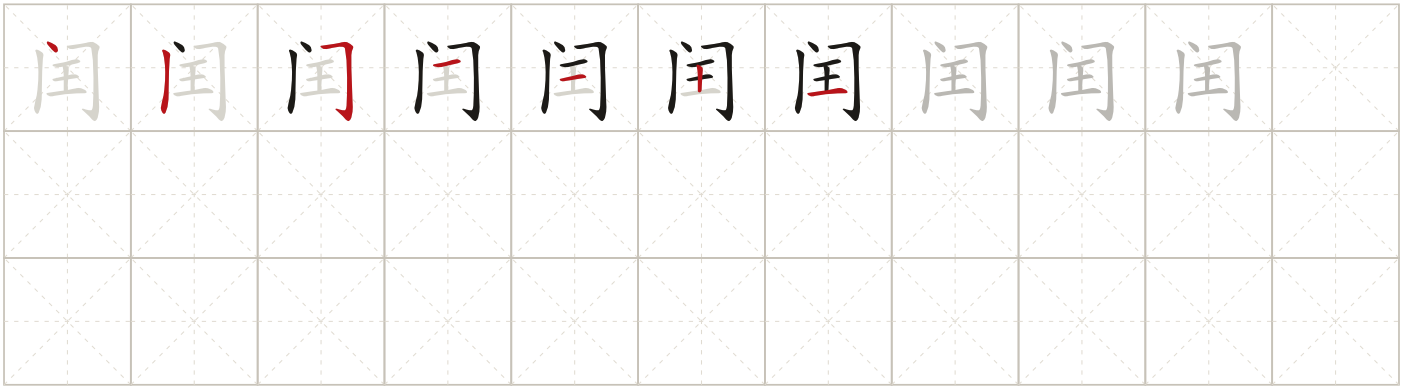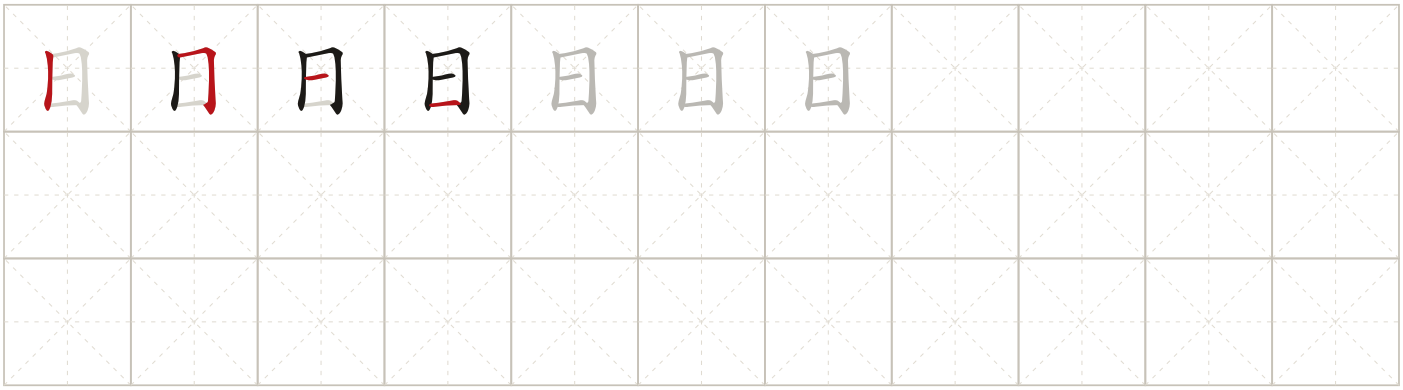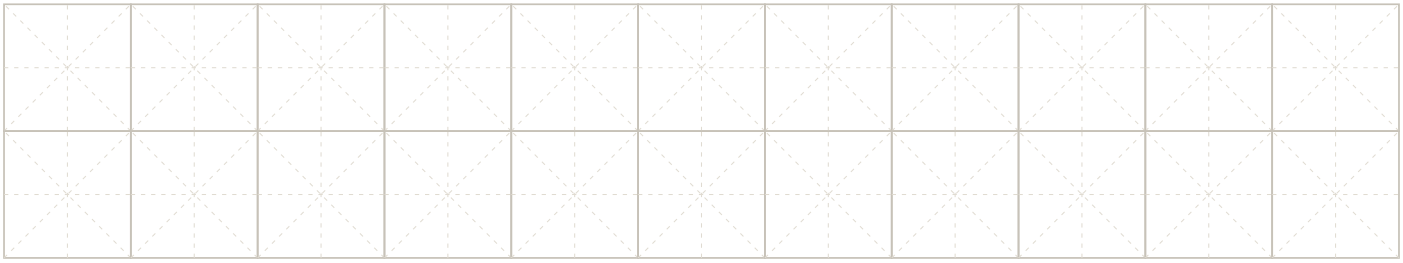
Trace each character, then write the word on your own.